

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 292/2019/HC-PT

Ngày 06/11/2019

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính về
đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Xuân Trọng ;

Ông Điều Văn Hằng;

-Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 310/2019/TLPT-HC ngày 12 tháng 9 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2019/HC-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10124/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Phạm Thị G, sinh năm 1955; địa chỉ: Khu dân cư số 1, thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương; có mặt.

*** Người bị kiện:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương

- Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nhữ Văn C - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Hữu T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương; có mặt (Văn bản ủy quyền số 10/UQ-UBND ngày 28/10/2019).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Ngọc P - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; có mặt.

- Công ty cổ phần đầu tư DVS Việt Nam; trụ sở: Tầng 6, số 225 đường Q, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình T1 - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn H, sinh năm 1982 và ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1982 – là cán bộ của Công ty; có mặt (Văn bản ủy quyền số 16 và 17/UQ/2019 ngày 05/11/2019)

- Ông Trần Văn L, sinh năm 1954;

- Anh Trần Văn H1, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Khu dân cư số 1, thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Trần Thị H2, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/01/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/02/2019 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là bà Phạm Thị G trình bày:

Hộ gia đình bà G có 04 khẩu được chia ruộng 03 gồm bà Phạm Thị G, ông Trần Văn L, anh Trần Văn H1, chị Trần Thị H2 và đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996 với tổng diện tích là 1940m². Trong diện tích ruộng được chia có diện tích 673m² thửa số 545, 1084 và 1811 (toàn bộ thửa đất), theo trích lục đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính khu số 1-2017 tại thôn P, xã Đ, huyện T, Hải Dương bị thu hồi theo Quyết định thu hồi đất số 1270/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Đ (viết tắt là Quyết định 1270). Cùng ngày 31/10/2017, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 1408/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và chi phí tổ chức thực hiện khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Đ (viết tắt là Quyết định 1408). Trong đó, hộ gia đình bà G được bồi thường về quyền sử dụng đất là 47.110.000đ, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp 94.220.000đ, bồi thường hoa màu (lúa) 5.384.000đ, hỗ trợ ổn định đời sống 16.560.000đ. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 163.274.000đ.

Không đồng ý với giá bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định 1408, ngày 30/11/2017, bà G làm đơn khiếu nại. Ngày 08/01/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 102/QĐ-UB giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà G (viết tắt Quyết định 102) với nội dung giữ nguyên giá bồi thường hỗ trợ tại Quyết định 1408. Do vậy, bà G khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình bà G.

- Hủy Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình bà G.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 102/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà G.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường 02 vụ lúa năm 2018 và 01 vụ chiêm năm 2019, trung bình mỗi vụ thu hoạch là 220kg/sào. Tổng thiệt hại của 03 vụ = 660kg/sào, trung bình giá thị trường là 10.000đ/kg. Đề nghị cho hộ gia đình bà G được tiếp tục sản xuất trên thửa ruộng đã bị thu hồi.

Các căn cứ bà G khởi kiện gồm:

- Về thẩm quyền thu hồi đất là đúng, về mục đích: Dự án xây dựng khu dân cư mới xã Đ được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt là đúng với đường lối, chính sách của Nhà nước. Tuy nhiên, khi Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân huyện thu hồi đất nhưng Ủy ban nhân dân huyện thực hiện không đúng mục đích, mục đích thu hồi đất là lợi ích nhóm. Đây là dự án thu hồi đất không phải vì mục đích công trình phúc lợi xã hội, lợi ích công cộng mà là thu hồi đất vì mục đích kinh tế xã hội (để thực hiện dự án làm đất ở, khu dân cư). Do vậy, người bị thu hồi đất phải được thỏa thuận về giá với chủ đầu tư nhưng thực tế các hộ dân không được thỏa thuận.

- Về trình tự thủ tục thu hồi đất là không đúng vì:

+ Chưa có quyết định lựa chọn chủ đầu tư nhưng Ủy ban nhân dân huyện và xã Đ đã chi trả tiền đền bù cho người bị thu hồi đất. Ngày 28/6/2017, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo tiến độ dự án và đã trả tiền đền bù cho 85/141 hộ dân, nhưng đến ngày 27/9/2017 Ủy ban nhân dân tỉnh mới có Quyết định số 2922 về phê duyệt lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện xây dựng dự án khu dân cư mới xã Đ là Công ty cổ phần DVS. Có sự thông đồng cấu kết giữa chủ đầu tư và Ủy ban nhân dân xã Đ trước 3 tháng, nhằm mua ruộng của dân giá rẻ, sang nhượng cho chủ đầu tư giá cao lấy lãi, trục lợi.

+ Việc xác định giá tại Quyết định 1408 là không đúng: Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân huyện thu hồi đất theo Điều 62 Luật đất đai 2013, và tính theo khung giá của Ủy ban nhân dân tỉnh là không đúng vì đây không phải thu hồi để thực hiện xây dựng công trình công cộng của Nhà nước. Quyền sử dụng đất là quyền tài sản của người dân nên trường hợp này phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015, người bị thu hồi đất phải được thỏa thuận về giá khi thu hồi nhưng Ủy ban nhân dân huyện T lại áp dụng Luật Đất đai năm 2013 là không phù hợp. Trong quá trình thu hồi đất các hộ dân bị thu hồi đất có thắc

mắc về giá đất bị thu hồi, tuy nhiên Ủy ban nhân dân huyện không báo cáo vướng mắc với Ủy ban nhân dân tỉnh theo Công văn số 766 ngày 31/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, mà Ủy ban nhân dân huyện vẫn ra quyết định thu hồi là không đúng. Bà G cho rằng Nhà nước thu hồi đất canh tác thì phải trả tương đương 1 suất đất ở cho gia đình để gia đình sử dụng, tuy nhiên Ủy ban nhân dân huyện T không đồng ý. Vì vậy, bà G giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Không đồng ý các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, do việc ban hành Quyết định 1270, Quyết định 1408 của Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định giải quyết khiếu nại số 102 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T là đúng pháp luật. Cụ thể:

* Đối với quyết định thu hồi đất số 1270/QĐ-UBND ngày 31/10/2017.

- Về căn cứ pháp lý gồm:

+ Nghị Quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp thuận thu hồi đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án, công trình trên địa bàn tỉnh;

+ Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu dân cư mới xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương, tỷ lệ 1/500;

+ Quyết định số 4042/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện T.

Như vậy, đối với dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Đ, huyện T căn cứ theo điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 là dự án thuộc diện nhà nước thu hồi đất và thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

- Về trình tự, thủ tục, hình thức Quyết định thu hồi đất.

Ngày 22/3/2017, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 213/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng bồi thường để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Đ, huyện T.

Ngày 31/3/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương có công văn số 766/UBND-VP về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện thu hồi đất.

Ngày 31/5/2017, Ủy ban nhân dân huyện có Thông báo số 419/TB-UBND về việc thu hồi đất thực hiện dự án và Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng

đã phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ tiến hành công khai, niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 02/6/2017, Hội đồng bồi thường kết hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ, Trưởng thôn, mời các hộ dân có đất thuộc phạm vi dự án thu hồi để tiến hành kiểm đếm cây cối, hoa màu trên đất, nhưng chỉ có 91/141 hộ gia đình phối hợp kiểm kê (trong đó có 08 hộ dân có đơn khiếu kiện).

Ngày 07/6/2017, Hội đồng bồi thường kết hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ tổ chức họp dân để thông báo Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và thực hiện niêm yết công khai phương án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ, nhà văn hóa thôn theo quy định của pháp luật. Kết thúc thời gian niêm yết có 91 hộ dân ký phương án, còn 50 hộ không nhất trí.

Ngày 31/10/2017, Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và quyết định thu hồi đất theo quy định.

Như vậy về quy trình, trình tự thu hồi đất đã bảo đảm đúng quy định về thẩm quyền ký quyết định, về hình thức quyết định thu hồi đất.

- Về nội dung của Quyết định thu hồi đất.

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 thì việc thực hiện dự án này phải do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận thu hồi đất. Ngày 05/10/2016, Hội đồng nhân dân tỉnh có Nghị Quyết số 16/2016/NQ-HĐND về việc chấp thuận thu hồi đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án, công trình trên địa bàn tỉnh trong đó có dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Đ, huyện T. Như vậy, đối với dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Đ, huyện T là dự án thuộc diện Nhà nước thu hồi đất và thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật. Từ những căn cứ nêu trên Ủy ban nhân dân huyện T có quan điểm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc hủy quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình bà G.

* Đối với Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 1408/QĐ-UBND ngày 31/10/2017.

Về thẩm quyền cũng như trình tự, thủ tục ban hành Quyết định 1408 bồi thường hỗ trợ cho các hộ dân có đất bị thu hồi trong dự án nói chung và gia đình bà G nói riêng đều đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Sau khi kiểm đếm diện tích đất, hoa màu tài sản trên đất bị thu hồi, Hội đồng bồi thường đã lập phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tiến hành họp dân để triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ. Tuy nhiên, một số hộ dân có đất bị thu hồi trong đó có gia đình bà G không đồng ý với phương án bồi thường nên không nhận các quyết định và văn bản giao, cho nên Hội đồng bồi thường, Ủy ban nhân dân xã phải tiến hành lập biên bản, niêm yết công khai và thông báo trên đài truyền thanh của xã.

Về giá đất thu hồi và hỗ trợ theo Quyết định 1408: Thực hiện Công văn số 629 ngày 24/4/2017 của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Hải Dương, Ủy ban nhân dân huyện đã giao cho Ủy ban nhân dân xã Đ tiến hành điều tra giá đất chuyển nhượng thực tế, phổ biến trên địa bàn xã Đ tại các vị trí tương đồng làm cơ sở xây dựng phương án giá đất và Ủy ban nhân dân xã Đ đã lập Tờ trình số 23 ngày 27/4/2017. Như vậy, việc xác định giá đất để bồi thường được thực hiện đúng theo quy định của Luật Đất đai, Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ tài nguyên và môi trường về xác định giá bồi thường khi thu hồi đất. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ra quyết định phê duyệt hệ số điều chỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Đ với hệ số $k=1$ cho nên Ủy ban nhân dân huyện T căn cứ vào đó để xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ đối với người dân bị thu hồi đất trong đó có gia đình bà G là đúng pháp luật.

* Về Quyết định giải quyết khiếu nại số 102 ngày 08/01/2018:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T giải quyết khiếu nại đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục và có căn cứ vì bà G khiếu nại về giá đất bồi thường là không có căn cứ theo như trình bày ở trên, nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đối với gia đình bà G.

* Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của người khởi kiện.

Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án khu dân cư mới xã Đ là đúng. Theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai 2013 quy định “Khi Quyết định thu hồi đất có hiệu lực thi hành và phương án bồi thường, hỗ trợ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được công bố công khai người có đất thu hồi phải chấp hành quyết định thu hồi đất”. Vì vậy các hộ dân không còn quyền sử dụng, canh tác trên diện tích đất đã được cơ quan nhà nước thu hồi, không được bồi thường hoa màu. Ủy ban nhân dân huyện T không đồng ý nội dung bồi thường thiệt hại nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần đầu tư DVS Việt Nam (viết tắt là Công ty DVS) và Ủy ban nhân dân xã Đ trình bày:

Công ty DVS là nhà thầu thực hiện dự án khu dân cư xã Đ và Ủy ban nhân dân xã Đ là nơi thực hiện dự án, đồng thời là thành viên Hội đồng bồi thường của Ủy ban nhân dân huyện T. Quá trình thực hiện thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ khi thu hồi, Ủy ban nhân dân huyện T đã thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất đúng quy định của pháp luật. Các quyết định, thông báo và các văn bản khác của Hội đồng bồi thường cũng như của Ủy ban nhân dân huyện T đều được Ủy ban nhân dân xã Đ giao trực tiếp cho các hộ dân bị thu hồi đất trong đó có hộ gia đình bà G. Người nào không nhận thì lập biên bản và tiến hành niêm yết, đồng thời thông báo trên đài truyền thanh của xã. Thông báo thu hồi đất các hộ dân đã được

nhận trực tiếp. Việc giao Quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường là giao tại Ủy ban nhân dân xã khi chính quyền địa phương mời các hộ dân lên họp, người khởi kiện đã nhận theo hồ sơ giao, nhưng sau đó lại trả lại. Công tác bồi thường và các khoản hỗ trợ khác đã được chủ đầu tư là Công ty DVS bồi thường đầy đủ theo quy định, hộ bà G không nhận tiền, Hội đồng bồi thường đã gửi tại Ngân hàng. Công ty DVS chưa san lấp vào diện tích đất của hộ gia đình bà G. Công ty DVS và Ủy ban nhân dân xã Đ không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà G.

Tại Bản án sơ thẩm số 48/2019/HCST ngày 15/7/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã quyết định:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về thu hồi diện tích đất nông nghiệp đối với hộ gia đình bà Phạm Thị G; yêu cầu hủy Quyết định 1408/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương về phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất thu hồi của hộ gia đình bà Phạm Thị G; yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 102/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị G và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường 03 vụ lúa không được cấy với tổng thiệt hại 3 vụ là 1,8 sào X 5.205.000đ = 9.369.000đ, đề nghị cho hộ gia đình bà G được tiếp tục sản xuất trên thửa ruộng đã bị thu hồi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 29/7/2019, người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là bà Phạm Thị G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương khẳng định việc ban hành các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất thu hồi của hộ gia đình bà Phạm Thị G của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương và quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương là đúng quy định của pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã kết luận: Dự án xây dựng khu dân cư mới xã Đ là dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai nên không phải thỏa thuận về giá đất bồi thường. Quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất thu hồi của hộ gia đình bà Phạm Thị G được ban hành

đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục; đảm bảo về giá đất; quyết định giải quyết khiếu nại được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Khiếu nại. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị G, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu; chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận và trình bày của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo là chị Trần Thị H2 (là con của bà G) vắng mặt. Bà Phạm Thị G khẳng định chị Hiền đã nhận được giấy triệu tập, nhưng do đi làm xa nên không tham gia được phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử. Các đương sự khác có mặt tại phiên tòa và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[1.2] Đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là các quyết định:

- Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi 673m² đất của hộ gia đình bà Phạm Thị G để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Đ, huyện T (BL301).

- Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình bà Phạm Thị G (BL265).

- Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị G (BL303).

Ngày 01/01/2019, bà Phạm Thị G có đơn khởi kiện (Ngày 03/01/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận đơn do bà G đến nộp-BL20) yêu cầu hủy các quyết định nêu trên và bồi thường thiệt hại hoa màu trên đất do không được canh tác (BL19). Như vậy, căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị G vẫn còn. Theo hướng dẫn tại Điều 5 mục V Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao thì mặc dù thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 và Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T đã hết, nhưng việc xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 có liên quan trực tiếp đến 02 quyết định nêu trên. Do đó, Tòa án

cấp sơ thẩm xem xét tính hợp pháp của 03 quyết định theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị G là có căn cứ.

[1.3] Thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án:

Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30; khoản 3 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[1.4] Đơn kháng cáo của đương sự:

Ngày 29/7/2019, bà Phạm Thị G có đơn kháng cáo hợp lệ, được gửi trong thời hạn và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại các Điều 205, 206 Luật tổ tụng hành chính và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 20/12/2016 của Ủy ban Thường vụ của Quốc hội nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà Phạm Thị G không đồng ý với bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Thực hiện Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc chấp thuận thu hồi đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án, công trình trên địa bàn tỉnh (BL221). Ngày 04/11/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định số 3189/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư mới xã Đ và Văn bản số 766/UBND-VP ngày 31/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân huyện T quyết định thu hồi đất, thẩm định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất để thực hiện công trình xây dựng khu dân cư mới xã Đ theo chấp thuận thu hồi đất của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương tại Nghị quyết số 16 nêu trên và kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện T (BL10). Ngày 31/10/2017, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi 673m² đất của hộ gia đình bà Phạm Thị G và Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình bà Phạm Thị G để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Đ là đúng thẩm quyền quy định của Luật Đất đai.

Các trình tự, thủ tục thu hồi đất và phương án bồi thường được thực hiện đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành thông báo thu hồi đất thực hiện dự án (BL42), thành lập Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng (BL296), tiến hành kiểm đếm cây cối, hoa màu trên đất, tổ chức họp dân để thông báo phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân và thực hiện niêm yết công khai các văn bản, quyết định liên quan đến việc thu hồi đất và phương án bồi thường tại trụ sở

Ủy ban nhân dân xã Đ và nhà văn hóa thôn theo quy định của pháp luật. Khi tiến hành kiểm đếm cây cối, hoa màu trên đất thu hồi của gia đình bà G, bà G có mặt nhưng không ký biên bản đo đạc, kiểm đếm thực địa quyền sử dụng đất, hoa màu, tài sản công trình trên đất (BL300). Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện Ủy ban nhân dân xã Đ, Ủy ban mặt trận Tổ quốc xã, Trưởng thôn Phạm L đã tiến hành giao trực tiếp các văn bản, quyết định liên quan đến thu hồi đất và phương án phê duyệt bồi thường cho hộ bà G nhưng gia đình bà G không nhận nên phải lập biên bản về việc không nhận và tiến hành niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã và nhà văn hóa thôn Phạm L, thông báo trên đài truyền thanh xã.

Bà Phạm Thị G kháng cáo cho rằng đơn khởi kiện của các hộ dân có đất bị thu hồi có cùng nội dung, sự việc như nhau nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tách ra thành nhiều vụ án là vi phạm Bộ luật tố tụng dân sự thấy: Các gia đình bị thu hồi đất đều được Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định thu hồi đất độc lập, có diện tích đất bị thu hồi khác nhau và quyết định phê duyệt bồi thường kèm theo danh sách các hộ gia đình, cá nhân được hưởng số tiền bồi thường từ việc thu hồi đất khác nhau. Các quyết định này là quyết định cá biệt và có lợi ích khác nhau. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của từng hộ gia đình, cá nhân đối với các quyết định liên quan đến diện tích đất bị thu hồi là đúng với quy định của Luật Tố tụng hành chính. Việc bà G yêu cầu giải quyết tất cả các yêu cầu khởi kiện của các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất trong cùng một vụ án là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với kháng cáo cho rằng dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Đ là dự án thương mại nên chủ đầu tư phải thỏa thuận về giá đất bồi thường với người có đất bị thu hồi, thấy rằng: Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Đ là dự án phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương chấp thuận thu hồi đất tại Nghị Quyết số 16/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 và được quy định cụ thể tại điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 nên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất. Do đó, đơn giá bồi thường hỗ trợ do Nhà nước quy định; không thuộc trường hợp được thỏa thuận về giá bồi thường giữa chủ đầu tư thực hiện dự án với người có đất thu hồi. Tại thời điểm áp giá để lập phương án bồi thường, thu hồi đất đối với dự án khu dân cư mới xã Đ được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ hướng dẫn Luật Đất đai. Diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà G là đất nông nghiệp sử dụng trong hạn mức nên đủ điều kiện được bồi thường và giá bồi thường được xác định theo giá cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương đã tiến hành khảo sát giá chuyển nhượng thực tế đất nông nghiệp tại khu vực có đất bị thu hồi và các khu lân cận để xác định giá bồi

thường đất nông nghiệp bị thu hồi đối với dự án khu dân cư mới xã Đ là 70.000đ/m² là phù hợp, đảm bảo được quyền lợi của người có đất bị thu hồi. Mặt khác, tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”. Tại biên bản đối thoại ngày 12/4/2019, đại diện Ủy ban nhân dân huyện T đã khẳng định nếu bà G đồng ý nhận đất nông nghiệp thì Ủy ban nhân dân huyện nhất trí bồi thường cho bà G diện tích đất tương đương diện tích đất bị thu hồi, nhưng bà G không đồng ý (BL53). Do đó, việc bà G cho rằng giá đất bồi thường thấp, phải thỏa thuận về giá bồi thường diện tích đất thu hồi với chủ đầu tư thực hiện dự án hoặc bồi thường cho bà 01 sào diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi bằng 01 suất đất ở là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với kháng cáo cho rằng khi chưa có quyết định phê duyệt nhà đầu tư, Ủy ban nhân dân xã Đ đã tiến hành bồi thường cho dân là có vấn đề lợi ích nhóm, thấy rằng: Ngày 23/02/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương có Quyết định số 629/QĐ-UBND phê duyệt kết quả sơ tuyển lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án là Công ty DVS (BL163). Ngày 27/9/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương có Quyết định số 2922/QĐ-UBND phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án khu dân cư mới xã Đ (BL118). Tuy nhiên, ngày 29/5/2017 Công ty DVS đã có Công văn số 08/2017/CV-DVS về việc ứng trước kinh phí phục vụ giải phóng mặt bằng cho dự án khu dân cư mới xã Đ. Do Công ty DVS là nhà đầu tư duy nhất trúng sơ tuyển và đang trong thời gian hoàn thiện thủ tục để thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư nên đã đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cho ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ mà Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng đã lập để trả cho các hộ dân có đất bị thu hồi để đảm bảo quyền lợi cho dân. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/6/2019, đại diện Ủy ban nhân dân huyện T trình bày theo nguyện vọng của các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi muốn nhận tiền ngay và để đẩy nhanh tiến độ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án khu dân cư mới xã Đ nhằm đáp ứng tiêu chí phấn đấu là đô thị loại 5 nên Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng huyện phải huy động kinh phí để trả các hộ dân phục vụ các nhu cầu trên. Đây là khoản tiền ứng trước của nhà đầu tư và số tiền này sẽ được thanh, quyết toán giá trị vào dự án đầu tư nên không có căn cứ xác định có vấn đề lợi ích nhóm của cá nhân, tổ chức nào. Việc ứng và nhận tiền bồi thường của người có đất bị thu hồi không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ.

Đối với kháng cáo của bà G yêu cầu được tiếp tục canh tác trên diện tích đất bị thu hồi và được bồi thường thiệt hại do không được canh tác trên đất bị thu hồi thấy: Tại Báo cáo số 115/BC-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T về kết quả giải quyết và trả lời các kiến nghị của các hộ dân (BL237);

Thông báo số 86/TB-UBND ngày 18/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T thông báo kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T tại hội nghị đối thoại với các hộ dân về công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ủy ban nhân dân huyện T đều khẳng định quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án khu dân cư mới xã Đ là đúng pháp luật nên Ủy ban nhân dân huyện T không có trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại cho người khởi kiện. Cũng tại các văn bản này thể hiện không có việc yêu cầu bà con ký giấy nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và dùng lời lẽ đe dọa dân. Mặt khác, tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai năm 2013 quy định “*Khi quyết định thu hồi đất có hiệu lực thi hành và phương án bồi thường, hỗ trợ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được công bố công khai, người có đất thu hồi phải chấp hành quyết định thu hồi đất*”. Căn cứ quy định nêu trên thì kể từ thời điểm Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, các hộ dân có đất bị thu hồi không còn quyền sử dụng, canh tác trên diện tích đất đã được cơ quan nhà nước thu hồi nên việc bà yêu cầu được bồi thường hoa màu do không được canh tác trên diện tích đất bị thu hồi là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đối với khiếu nại của bà G được ban hành đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý đơn khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại và trên cơ sở báo cáo xác minh, ngày 08/01/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại và đảm bảo thời hạn theo quy định tại các Điều 27, 28 và 29 Luật khiếu nại năm 2011.

Từ các căn cứ nêu trên thấy các yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G đã được Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá, xem xét và quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G là có căn cứ pháp luật.

Trên cơ sở nhận xét, đánh giá và quyết định của bản án sơ thẩm, ý kiến kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy các yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị G là không có cơ sở chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm: Do bà Phạm Thị G là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ của Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị G; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2019/HC-ST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Áp dụng Điều 30, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; điểm d khoản 3 Điều 62, Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 70, Điều 74, Điều 75, Điều 112, Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; Điều 28, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 9, khoản 1 Điều 18, Điều 27, Điều 28 và Điều 29 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự; Điều 3, Điều 19, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 44/ 2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về giá đất; Điều 7 Thông tư số 36/2014 ngày 20/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi 673m² đất của hộ gia đình bà Phạm Thị G; yêu cầu hủy Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình bà Phạm Thị G và yêu cầu hủy Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị G và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường 03 vụ lúa không được cấy với tổng thiệt hại 03 vụ là 1,8 sào x 5.205.000đ = 9.369.000đ, đề nghị cho hộ gia đình bà G được tiếp tục sản xuất trên thửa ruộng đã bị thu hồi.

Về án phí: Bà Phạm Thị G được miễn toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Hạnh

